

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2022
V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoài Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Anh Vi Quang V, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-10-2021 bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Quang V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, anh V không quan tâm đến gia đình do đua đòi bạn bè và bị nghiện ma túy chị T và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V vẫn không từ bỏ ma túy sau đó anh V đi cai nghiện ma túy tháng 8 năm 2019 về gia đình và vẫn tiếp tục sử dụng ma túy hiện nay chị T và anh V vẫn sống cùng nhau nhưng không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Quang V.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Quang V có 02 con chung cháu Vi Duy K, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2002 và cháu Vi Thùy N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2011. Hiện nay cháu K đã đến tuổi trưởng thành nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết còn cháu N khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được nuôi dưỡng cháu N đến năm 18 tuổi và chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Quang V tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, chị T và anh V không nợ ai nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Quang V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì. Tại phiên tòa anh Vi Quang V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vi Quang V hiện đang cư trú ở Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa bị đơn anh Vi Quang V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Quang V tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, anh V không quan tâm đến gia đình và đưa đòi bạn bè dẫn đến bị nghiện ma túy chị T và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V vẫn không bỏ ma túy sau đó anh V đi cai nghiện ma túy tháng 8 năm 2019 về gia đình và vẫn tiếp tục sử dụng ma túy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh V tuy sống cùng nhau nhưng không hạnh phúc và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Quang V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp giải nhiều lần nhưng anh V đều cố tình lẩn tránh và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Vi Quang V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xử cho chị T được ly hôn anh Vi Quang V là có cơ sở.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Quang V có 02 con chung cháu Vi Duy K, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2002 và cháu Vi Thùy N, sinh ngày 31

tháng 10 năm 2011. Hiện nay cháu K đã đến tuổi trưởng thành nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu N hiện nay cuộc sống đang ổn định, chị T có chỗ ở, tổng thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cháu N có đơn nguyện vọng được chị T nuôi dưỡng.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ do đó cần giao cháu Vi Thùy N cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Vi Quang V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vi Quang V.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Thùy N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2011 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Vi Quang V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vi Quang V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0001272, ngày 11-10- 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vi Quang V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Y,
huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

Nguyễn Đình Lâm